

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 219 /2012/TTLT-BTC- BKHCN

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định quản lý tài chính thực hiện
Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (sau đây viết tắt là Chương trình) theo các nội dung, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện và quản lý Chương trình.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Bộ chủ trì tổ chức thực hiện chương trình thành phần (sau đây gọi chung là Bộ chủ trì) là Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình

thành phần theo quy định tại Tiết d, Khoản 4, Phần IV, Điều 1 Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổ chức chủ trì dự án là tổ chức, doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện dự án phát triển công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ công nghệ cao, dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, dự án phát triển nhân lực công nghệ cao của Chương trình (sau đây gọi chung là Dự án).

3. Đơn vị quản lý kinh phí là đơn vị dự toán cấp 3 có trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng dự toán ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình.

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ là tổ chức, doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án sản xuất thử nghiệm, nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và các nhiệm vụ khác thuộc Dự án.

5. Giai đoạn sản xuất lô số không là hoạt động sản xuất thử trên hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ nhằm hoàn thiện, ổn định công nghệ, sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt.

Điều 3. Các nguồn tài chính thực hiện Chương trình

Các nguồn tài chính thực hiện Chương trình bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước:

- a) Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ;
- b) Kinh phí đầu tư phát triển;
- c) Vốn ODA và các nguồn vốn hợp tác quốc tế, viện trợ của nước ngoài.

2. Vốn tín dụng từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các ngân hàng Thương mại và các tổ chức tín dụng.

3. Kinh phí từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp:

- a) Vốn tự có của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp;
- b) Vốn huy động khác.

4. Kinh phí từ các quỹ:

- a) Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;
- b) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;
- c) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;
- d) Các quỹ khác.

5. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Số: 219 /2012/TTLT-BTC- BKHCN

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định quản lý tài chính thực hiện
Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (sau đây viết tắt là Chương trình) theo các nội dung, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện và quản lý Chương trình.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Bộ chủ trì tổ chức thực hiện chương trình thành phần (sau đây gọi chung là Bộ chủ trì) là Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình

thành phần theo quy định tại Tiết d, Khoản 4, Phần IV, Điều 1 Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổ chức chủ trì dự án là tổ chức, doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện dự án phát triển công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ công nghệ cao, dự án xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, dự án phát triển nhân lực công nghệ cao của Chương trình (sau đây gọi chung là Dự án).

3. Đơn vị quản lý kinh phí là đơn vị dự toán cấp 3 có trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng dự toán ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình.

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ là tổ chức, doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án sản xuất thử nghiệm, nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và các nhiệm vụ khác thuộc Dự án.

5. Giai đoạn sản xuất lô số không là hoạt động sản xuất thử trên hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ nhằm hoàn thiện, ổn định công nghệ, sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt.

Điều 3. Các nguồn tài chính thực hiện Chương trình

Các nguồn tài chính thực hiện Chương trình bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước:

- a) Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ;
- b) Kinh phí đầu tư phát triển;
- c) Vốn ODA và các nguồn vốn hợp tác quốc tế, viện trợ của nước ngoài.

2. Vốn tín dụng từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các ngân hàng Thương mại và các tổ chức tín dụng.

3. Kinh phí từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp:

- a) Vốn tự có của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp;
- b) Vốn huy động khác.

4. Kinh phí từ các quỹ:

- a) Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;
- b) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;
- c) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;
- d) Các quỹ khác.

5. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Hỗ trợ tối đa đến 50% tổng mức kinh phí đầu tư (không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư) thực hiện hoạt động sản xuất thử nghiệm trong Dự án. Đối với các dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung mức hỗ trợ tối đa đến 70%. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các quy định của Thông tư này.

Kinh phí được cân đối từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Đối với hoạt động chuyển giao công nghệ:

a) Nhà nước hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí cho các hoạt động chuyển giao công nghệ của Dự án theo các đối tượng:

- Bí quyết kỹ thuật;
- Kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu;
- Giải pháp hợp lý hoá sản xuất, đổi mới công nghệ;
- Mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị công nghệ cao trong nước chưa tạo ra được để thực hiện các Dự án nghiên cứu, làm chủ, phát triển và tạo ra công nghệ cao.

b) Hình thức và phương thức hoạt động chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 12 và Điều 18 của Luật Chuyển giao công nghệ.

c) Ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ tối đa đến 50% cho các hoạt động chuyển giao công nghệ của Dự án. Phần kinh phí còn lại được huy động từ các quỹ, các nguồn khác quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

4. Đối với hoạt động đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

a) Hỗ trợ tối đa đến 50% công lao động cho cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện nội dung nghiên cứu hoàn thiện các quy trình công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ, xây dựng các phần mềm